

农场



nóngchǎng

Farm



牛



niú

Cow/ Ox



兔子



tùzi

Rabbit



山羊



shānyáng

Goat



# 绵羊



miányáng



# Sheep



鸡



jī

Chicken



鹅



e'

Goose



鸭子



yāzi

Duck





马



mǎ

Horse



驴



lǘ

Donkey



猪



zhū

Pig



狗



gǒu

Dog



猫



māo

Cat



# 农夫

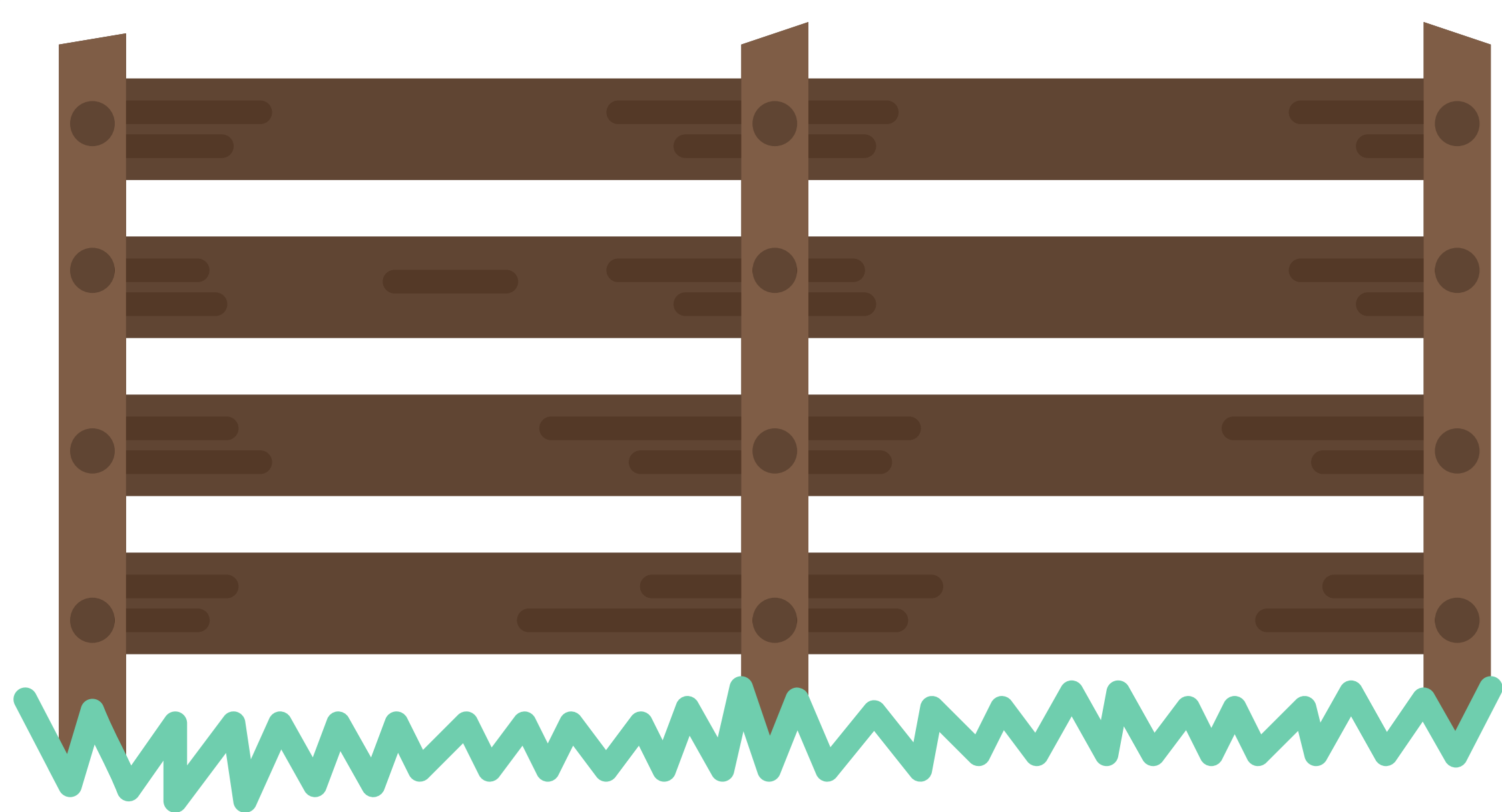
# Farmer



nóngfū

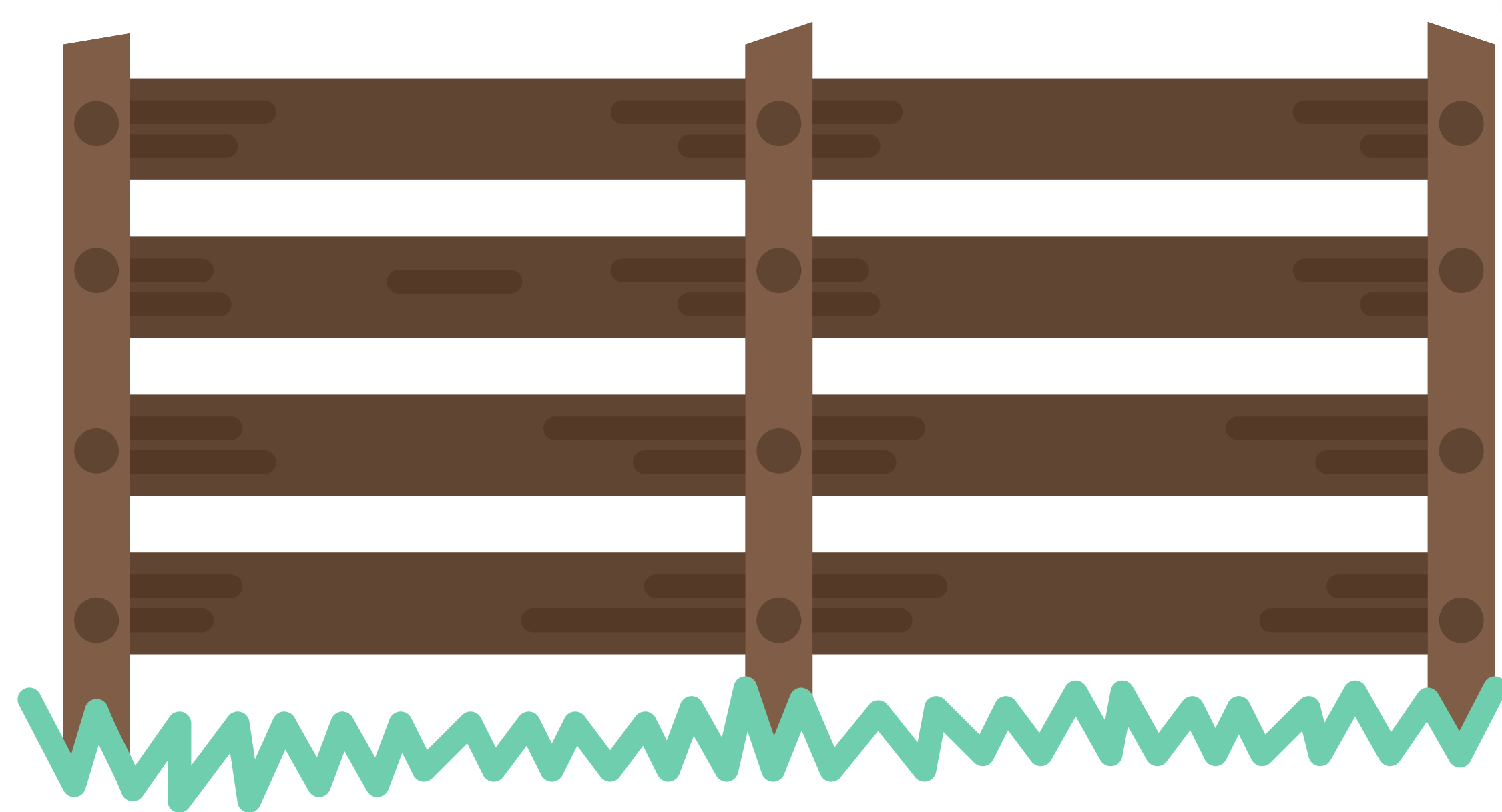


围栏



wéilán

Fence



拖拉机



tuōlājī

Tractor

